

CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG S.LA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC XÂY DỰNG S.LA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: S.LA ARCHITECTURE CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: S.LA CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0108558833

3. Ngày thành lập: 24/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

số 71 hẻm 8/11/36/59, đường Lê Quang Đạo, Phường Phú Đô, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
2.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
3.	Đúc sắt, thép	2431
4.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
5.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
6.	Phá dỡ	4311
7.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
9.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
11.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
12.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
13.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
14.	Xuất bản phần mềm	5820

15. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết:

Khảo sát địa hình;

Khảo sát địa chất công trình.

Quản lý dự án đầu tư xây dựng

Quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Kiểm định xây dựng

Giám sát thi công xây dựng công trình

Lập quy hoạch xây dựng

Thiết kế kiến trúc công trình;

Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp;

Thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình;

Thiết kế xây dựng công trình giao thông;

Thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật

- Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;

- Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông;

- Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình.

Xác định, thẩm tra tổng mức đầu tư xây dựng; phân tích rủi ro và đánh giá hiệu quả đầu tư của dự án;

Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức xây dựng, giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng;

Đo bóc khối lượng;

Xác định, thẩm tra dự toán xây dựng;

Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Kiểm soát chi phí xây dựng công trình;

Lập, thẩm tra hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng, quy đổi vốn đầu tư công trình xây dựng sau khi hoàn thành được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng..

Tư vấn đấu thầu;

Tư vấn giám sát

16.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
17.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
18.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
19.	In ấn	1811
20.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
21.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
22.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
23.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
24.	Thu gom rác thải độc hại	3812
25.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
26.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
27.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ - Dạy về tôn giáo;- Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
29.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
30.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
31.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
32.	Sản xuất lò nung, lò luyện và lò nung	2815
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
35.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322

37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
38.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
39.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: sản xuất phim video	5911
40.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
41.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
42.	Cho thuê xe có động cơ	7710
43.	Xây dựng nhà để ở	4101
44.	Xây dựng nhà không để ở	4102
45.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
46.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
47.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
48.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
49.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
50.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
51.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410(Chính)
52.	Quảng cáo	7310
53.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
54.	Đào tạo sơ cấp Chi tiết: giáo dục nghề nghiệp	8531
55.	Đào tạo trung cấp Chi tiết: giáo dục nghề nghiệp	8532
56.	Đào tạo cao đẳng Chi tiết: giáo dục nghề nghiệp	8533
57.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
58.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
59.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

60.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
61.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
62.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
63.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
64.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
65.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
66.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
67.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
68.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
69.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
70.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
71.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
72.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
73.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
74.	Xây dựng công trình điện	4221
75.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
76.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
77.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
78.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
79.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
80.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
81.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
82.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
83.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
84.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
85.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
86.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
87.	Xây dựng công trình thủy	4291
88.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
89.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
90.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
91.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
92.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản	6820
93.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

